

Số: 186 /QĐ-BĐDHĐQT

Bình Định, ngày 28 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ, điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh năm 2024 cho Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống NHCSXH;

Căn cứ Quyết định số 56/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 56/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Chi nhánh NHCSXH tỉnh Bình Định tại Tờ trình số 1779/TTr-NHCSBĐ ngày 07/12/2024 (kèm theo ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 4667/STC-TCHCSN ngày 25/12/2024, của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3714/SKHĐT-KGVX ngày 26/12/2024 và của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 4505/SLĐTBXH-VLGDNN ngày 26/12/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ, điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh năm 2024 cho Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố theo phụ lục 1, 2, 3 đính kèm.

Điều 2. Giao Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố báo cáo UBND các huyện và trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố phân bổ, điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2024 được giao tại Quyết định này cho các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh; Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- NHCSXH Việt Nam;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- Các TV BDDHĐQT NHCSXH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, K20.

Su

**TM. BDD HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lâm Hải Giang**

**Người
Email
Cơ q
Thời
+07:**

Phụ lục 01

KẾ HOẠCH DỰ NỢ CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDDHĐQT ngày /12/2024 của Trường Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng cộng	Quy Nhơn	Tuy Phước	Vân Canh	An Nhơn	Tây Sơn	Vĩnh Thạnh	Phù Cát	Phù Mỹ	Hoài Ân	Hoài Nhơn	An Lão
I	Kế hoạch dự nợ năm 2024 đã thông báo	616.401,93	74.802,83	52.711,00	32.664,00	83.137,00	59.308,00	30.784,50	58.930,00	52.219,10	78.851,00	66.629,00	26.365,50
1	Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP	7.600,00	-	-	2.640,00	-	-	3.520,00	-	-	160,00	-	1.280,00
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Nghị định 61/2015/NĐ-CP)	572.017,80	63.394,70	50.690,00	29.804,00	81.870,00	56.078,00	25.901,00	56.510,00	47.210,10	75.092,00	61.093,00	24.375,00
3	Cho vay nhà ở xã hội	9.034,13	7.734,13	400,00	-	-	-	-	-	900	-	-	-
4	Cho vay người chấp hành xong án phạt tù	5.070,00	-	-	50,00	500,00	720,00	300,00	100,00	1.600,00	500,00	1.150,00	150,00
5	Cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài	22.680,00	3.674,00	1.621,00	170,00	767,00	2.510,00	1.063,50	2.320,00	2.509,00	3.099,00	4.386,00	560,50
II	Kế hoạch tín dụng năm 2024	616.303,23	75.189,53	52.791,30	32.596,00	83.002,40	59.052,30	31.292,10	58.777,20	52.339,20	78.838,80	66.222,40	26.202,00
1	Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP	8.120,00	-	-	2.640,00	-	-	4.040,00	-	-	160,00	-	1.280,00
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Nghị định 61/2015/NĐ-CP)	572.085,80	63.394,70	50.690,00	29.804	81.870	56.078	25.901	56.510	47.210	75.092	61.161	24.375
3	Cho vay nhà ở xã hội	9.387,63	8.087,63	400,00	-	-	-	-	-	900	-	-	-
4	Cho vay người chấp hành xong án phạt tù	4.970,00	-	-	50,00	400,00	720,00	300,00	100,00	1.600,00	500,00	1.150,00	150,00
5	Cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài	21.739,80	3.707,20	1.701,30	102,00	732,40	2.254,30	1.051,10	2.167,20	2.629,10	3.086,80	3.911,40	397,00
III	Tăng, giảm so kế hoạch đã thông báo	-98,70	386,70	80,30	-68,00	-134,60	-255,70	507,60	-152,80	120,10	-12,20	-406,60	-163,50
1	Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP	520,00	-	-	-	-	-	520,00	-	-	-	-	-
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Nghị định 61/2015/NĐ-CP)	68,00										68,00	
3	Cho vay nhà ở xã hội	353,50	353,50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Cho vay người chấp hành xong án phạt tù	-100,00				-100,00							
5	Cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài	-940,20	33,20	80,30	-68,00	-34,60	-255,70	-12,40	-152,80	120,10	-12,20	-474,60	-163,50

Su

Phụ lục 02

KẾ HOẠCH DỰ NỢ CHO VAY HỘ NGHÈO, CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM VÀ CHO VAY XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐDHDQT ngày /12/2024 của Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng cộng	Tây Sơn	Hoài Ân	Hoài Nhơn
I	Kế hoạch dự nợ đã thông báo	7.080,06	2.721,60	3.263,86	1.094,60
1	Cho vay hộ nghèo	20,00	20,00	-	-
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Nghị định 61/2015/NĐ-CP)	6.903,06	2.701,60	3.106,86	1.094,60
3	Cho vay xuất khẩu lao động	157,00		157,00	-
II	Kế hoạch tín dụng năm 2024	7.347,16	2.892,10	3.263,26	1.191,80
1	Cho vay hộ nghèo	0,00	-	-	-
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Nghị định 61/2015/NĐ-CP)	7.190,76	2.892,10	3.106,86	1.191,80
3	Cho vay xuất khẩu lao động	156,40		156,40	-
III	Tăng, giảm so kế hoạch đã thông báo	267,10	170,50	-0,60	97,20
1	Cho vay hộ nghèo	-20,00	-20,00		
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Nghị định 61/2015/NĐ-CP)	287,70	190,50		97,20
3	Cho vay xuất khẩu lao động	-0,60		-0,60	

Su

Phụ lục 03

**ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN QUỸ VIỆC LÀM CHO NGƯỜI
TÀN TẬT NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDDHĐQT ngày /12/2024 của Trưởng Ban đại diện Hội
đồng quản trị NHCSXH tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng cộng	Quy Nhon	Hoài Nhon
1	Kế hoạch dư nợ năm 2024 đã thông báo	1.981,25	420,0	1.561,25
2	Kế hoạch dư nợ năm 2024	1.981,25	390,0	1.591,25
3	Tăng, giảm so kế hoạch đã thông báo	-	-30,0	30,0

Su